

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2022

V/v: “Ly hôn giữa bà K và ông L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 415/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Linh K, sinh năm 1994.

Địa chỉ 1: Số 332, tổ 4, khu phố 1, phường V T, Tp R G, tỉnh Kiên Giang.
(Có mặt).

Địa chỉ 2: Số 30, đường L T C, khu phố D O, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 332, tổ 4, khu phố 1, phường V T, Tp R G, tỉnh Kiên Giang.
(Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/6/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh K trình bày: bà K và ông L tự nguyện quen nhau

đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V H, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/12/2012.

Lý do bà K yêu cầu xin ly hôn: bà K cho rằng do quá trình chung sống tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày và về kinh tế gia đình; vợ chồng thiếu sự tin tưởng và thông cảm cho nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, cả hai đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm không còn nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà K xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng Kg, sinh ngày 07/10/2012 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 13/5/2015.

Về tài sản chung: bà K và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà K yêu cầu:

Về hôn nhân: bà K yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà K yêu cầu được nuôi người con Nguyễn Thị Ngọc G và đồng ý giao người con tên Nguyễn Trọng Kg cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. bà K và ông L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà K và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt. Tại đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt được địa phương xác nhận ngày 22/10/2021, ông L thể hiện ý kiến và quan điểm:*

Về quan hệ hôn nhân: ông L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Linh K.

Về con chung: ông L yêu cầu được nuôi người con tên Nguyễn Trọng Kg, sinh ngày 07/10/2012 và đồng ý giao người con tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 13/5/2015 cho bà K nuôi dưỡng. ông L và bà K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông L và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông L lánh mặt không đến Tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L .

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa bà K xác nhận, bà K và ông L tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V H, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/12/2012. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà K*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà K, ông L không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình nhưng ông L cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông L cũng không mong muốn hàn gắn lại tình cảm với bà K. Đôi bên cũng đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, cả hai đều đã có cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông L đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K được ly hôn với ông L.

[4] *Về con chung*: bà K và ông L đã thống nhất ý kiến: Người con tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 13/5/2015 do bà K nuôi dưỡng. Người con tên Nguyễn Trọng Kg, sinh ngày 07/10/2012 do ông L trực tiếp nuôi dưỡng. ông L và bà K không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, người con

Nguyễn Trọng Kg thể hiện nguyện vọng muốn sống với cha là ông L. Người con tên Nguyễn Thị Ngọc G thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà K.

Xét thấy, quá trình bà K, ông L trông nom, nuôi dưỡng các con chung, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con, tôn trọng sự thỏa thuận về nuôi con giữa bà K, ông L, cũng như tôn trọng nguyện vọng của những người con chung. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Nguyễn Trọng Kg, sinh ngày 07/10/2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 13/5/2015 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà K, ông L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: bà K và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: bà K và ông L xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: bà K phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Linh K và ông Nguyễn Văn L .

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Trọng Kg, sinh ngày 07/10/2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 13/5/2015 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. bà K, ông L không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà K, ông L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: bà K và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: bà K và ông L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: bà K phải nộp 300.000 đồng. bà K đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004769, ngày 19/8/2020 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà K được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa